TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1061/2018/DS-PT
Ngày: 19/11/2018
Về việc Tranh chấp tài sản chung và tranh chấp di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thu Lan
- *Các Thẩm phán* Bà Nguyễn Thị Ngọc Phương
  Ông Phan Báu.

Thư ký phiên tòa: Ông Danh Đời – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Đoàn Bích Trâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 và ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 474/2018/TLDS-PT ngày 03/10/2018 về việc "Tranh chấp tài sản chung và tranh chấp di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 434/2018/DS-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4936/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1939.

Địa chỉ: 257A Thích Quảng Đức, Phường 4, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền là bà Đỗ Thị Minh Giang, sinh năm 1994; địa chỉ: 18 Phan Bội Châu, Phường 14, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền ngày 30/5/2017. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Tấn Thi, Văn phòng Luật sư Hoa Sen – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Hồ Thị N**, sinh năm 1948.

Địa chỉ: 138 đường 475, khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền là ông Hứa Văn Thịnh, sinh năm 1985; địa chỉ: 138 đường 475, khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2017. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Hứa Văn D, sinh năm 1971. (Vắng mặt).

+ Bà Hứa Thị Xuân M, sinh năm 1978. (Vắng mặt).

+ Ông Hứa Văn C, sinh năm 1982. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 138 đường 475, khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Hứa Thị Kim L, sinh năm 1970. (Vắng mặt).

+ Bà Hồ Thị T, sinh năm 1968. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 136 đường 475, khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Hứa Văn Q, sinh năm 1980. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 136 B/2 đường 475, khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Hứa Văn L, sinh năm 1973. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 136 B/4 đường 475, khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Hứa Thị Ánh T, sinh năm 1975. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 184/2 đường 11, khu phố 8, phường Trường thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Hứa Thị Ngọc H, sinh năm 1987. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 46 đường Ngọc Tuyển, khu phố 5, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Phan Thị Bích T, sinh năm 1987. (Vắng mặt).

Địa chỉ: 138 đường 475, khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Hứa Văn Th, sinh năm 1985. (Có mặt).

Địa chỉ: 138 đường 475, khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng ủy quyền cho ông Hứa Văn Th, sinh năm sinh năm 1985; địa chỉ: 138 đường 475, khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo văn bản ủy quyền ngày 06/6/2017. (Có mặt).

+ Ông Hứa Văn H, sinh năm 1965. (Có mặt).

+ Ông Hứa Văn B, sinh năm 1970. (Có mặt).

+ Ông Hứa Văn S, sinh năm 1973. (Có mặt).

+ Bà Hứa Thị Kim Ph, sinh năm 1975. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: 49 Huỳnh Đình Hai, Phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Hứa Thị Anh Đ, sinh năm 1968. (Có mặt).

Địa chỉ: 42/393 Huỳnh Đình Hai, Phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng ủy quyền cho bà Đỗ Thị Minh Giang, sinh năm 1994; địa chỉ: 18 Phan Bội Châu, Phường 14, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền ngày 30/5/2017. (Có mặt).

+ Phòng Công chứng số 3 – Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 12 Thống Nhất, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 2/304 khu phố 1, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị H – Nguyên đơn.

4. *Cơ quan kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hcó bà Đỗ Thị Minh Giang là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:* Năm 1967, bà Nguyễn Thị Hkết hôn với ông Hứa Văn Căn theo giấy chứng nhận kết hôn số 218 do Ủy ban nhân dân xã Phước Long, quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định cấp ngày 21/9/1967. Quá trình chung sống, ông Căn và bà H có năm người con chung gồm: ông Hứa Văn Hùng, ông Hứa Văn Bích, ông Hứa Văn Sơn, bà Hứa Thị Kim Phượng và bà Hứa Thị Anh Đào.

Năm 1968, ông Căn sống chung như vợ chồng với bà Hồ Thị Na, quá trình chung sống hai người có 10 người con chung gồm: ông Hứa Văn Dũng, bà Hứa Thị Xuân Mai, ông Hứa Văn Cường, bà Hứa Thị Kim Loan, ông Hứa Văn Quí, ông Hứa Văn Lâm, bà Hứa Thị Ánh Tuyết, bà Hứa Thị Ngọc Hiền, ông Hứa Văn Thịnh và bà Hồ Thị Thanh.

Năm 1981, cha, mẹ ông Hứa Văn Căn là ông Lê Văn Xe (chết năm 1943) và bà Đặng Thị Nhành (chết năm 1989) có cho hai vợ chồng 03 phần đất có diện tích tổng cộng 25.000m^2 (chỉ nói bằng miệng), ông Căn có trồng trọt chăn nuôi trên diện tích đất trên.

Năm 2005, sau khi ông Căn đã bán một phần đất và nhận tiền do nhà nước đền bù dự án Khang Điền khi thu hồi đất, diện tích còn lại khoảng 200m^2, thuộc thửa 503, bản đồ số 11BĐC, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Phần đất này, ông Căn và bà Hồ Thị N đi đăng ký và được Uỷ ban nhân Quận 9 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng việc này ông Căn, bà N không cho bà H biết. Ngày 06/9/2016, ông Hứa Văn Căn chết không để lại di chúc.

Nay bà Nguyễn Thị Hyêu cầu được quyền hưởng tài sản chung và chia di sản thừa kế đối với căn nhà số 138 đường 475, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (thuộc thửa 503, bản đồ số 11BĐC, phường Phước Long B, Quận 9). Cụ thể: Bà Hợi yêu cầu được chia ½ giá trị tài sản tranh chấp là căn nhà số 138 đường 475, phường Phước Long B, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh tương đương số tiền 2.486.328.565 đồng và 1/16 di sản thừa kế của ông Căn để lại tương đương số tiền 155.395.535 đồng. Tổng cộng là 2.641.724.100 (*Hai tỷ sáu trăm bốn mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn một trăm*) đồng.

- *Bị đơn bà Hồ Thị Ncó ông Hứa Văn Thịnh là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:* Năm 1967, ông Hứa Văn Căn kết hôn với bà Nguyễn Thị H (sinh 1939) có chung với nhau 05 người con cùng hộ khẩu thường trú: 49 Huỳnh Đình Hai, Phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh như bà Đỗ Thị Minh Giang đã trình bày. Đồng thời năm 1968, ông Căn cưới vợ hai là bà Hồ Thị N (không đăng ký kết hôn) và có chung với nhau 10 người con cùng hộ khẩu thường trú tại 138 đường 475, Khu phố 5, Tổ 19, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh như bà Đỗ Thị Minh Giang đã trình bày.

Trước khi ông Hứa Văn Căn mất (ngày 06/9/2016), ông có đứng tên trên 02 (hai) căn nhà và đất như sau:

+ Căn nhà thứ nhất: Nhà và đất tại địa chỉ 49 Huỳnh Đình Hai, Phường 24,

quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2014, ông Căn đã làm giấy cho tặng căn nhà này cho ông Hứa Văn Sơn và bà Hứa Thị Kim Phượng - là con chung của ông Căn và bà H.

+ Căn nhà thứ hai: Nhà và đất tại địa chỉ 138 đường 475, Khu phố 5, Tổ 19, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà này, ngày 02/4/2016, ông Căn đã làm giấy cho tặng cho ông Hứa Văn Thịnh - là con chung của ông Căn và bà N, tại Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi ông Hứa Văn Căn mất (06/9/2016) thì ngày 17/01/2017 bà Nguyễn Thị H khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của ông Căn như bà Minh Giang đã trình bày.

Ngày 22/01/2018 và ngày 12/3/2018, các ông, bà: Hứa Văn Hùng, Hứa Văn Bích, Hứa Văn Sơn, Hứa Thị Anh Đào, Hứa Thị Kim Phượng cùng có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết cho hưởng di sản thừa kế của ông Căn là giá trị quyền sở hữu nhà và đất ở tại số 138 đường 475, Khu phố 5, Tổ 19, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể, ông Hùng, ông Bích, ông Sơn, bà Đào, bà Phượng yêu cầu được chia thừa kế mỗi người được hưởng theo giá trị là 155.395.535 (*Một trăm năm mươi lăm triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi lăm*) đồng.

Bị đơn nhận thấy đơn yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế của bà H cũng như đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của các con của bà H là không có căn cứ, không có cơ sở, không có quyền đòi chia di sản bởi căn nhà và đất tại địa chỉ 138 đường 475, Khu phố 5, Tổ 19, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay thuộc quyền sở hữu của ông Hứa Văn Thịnh. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà H và yêu cầu độc lập của các con của bà H.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hứa Văn Hùng, ông Hứa Văn Bích, ông Hứa Văn Sơn, bà Hứa Thị Anh Đào, bà Hứa Thị Kim Phượng có bà Đỗ Thị Minh Giang là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:* Trước khi chết, ông Hứa Văn Căn có để lại tài sản là căn nhà và đất tại địa chỉ 138 đường 475, Tổ 19, Khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, do ông Căn và bà Hợi là vợ chồng hợp pháp nên đề nghị Toà án chia di sản thừa kế của ông Căn để lại là căn nhà và đất nói trên. Ông Hùng, ông Bích, ông Sơn, bà Đào, bà Phượng yêu cầu mỗi người được hưởng phần giá trị tương đương số tiền 155.395.535 đồng (*Một trăm năm mươi lăm triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng*).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hứa Văn Thịnh và các ông, bà Hứa Văn Dũng, Hứa Thị Xuân Mai, Hứa Văn Cường, Hứa Thị Kim Loan, Hứa Văn Quí, Hứa Văn Lâm, Hứa Thị Ánh Tuyết, Hứa Thị Ngọc Hiền, Hồ Thị Thanh có ông Hứa Văn Thịnh là người đại diện theo uỷ quyền, trình bày: Việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H và các con của bà Nguyễn Thị H là không có căn cứ, không có cơ sở cũng như không có quyền đòi chia di sản, bởi căn nhà tại địa chỉ 138 đường 475, Tổ 19, Khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Hứa Văn Thịnh. Do đó, đề nghị Tòa án bác bỏ toàn bộ các yêu cầu trên của bà Nguyễn Thị H và các con của bà H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Ngày 11/8/1999, bà Hồ Thị Ncó đơn đăng ký nhà đất với căn nhà 108 Tổ 3, Khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguồn gốc nhà đất theo tường trình là đất của gia tộc để lại từ năm 1975. Cùng năm 1975 thì xây nhà ở, năm 1998 sửa chữa lại nhà và sử dụng ổn định. Ngày 16/12/2003, hộ bà Hồ Thị Ncó đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho căn nhà số 138 (Số cũ 108) đường 475, Tổ 19, Khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 02/4/2004, Uỷ ban nhân dân Quận 9 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 1287/04 cho ông Hứa Văn Căn và bà Hồ Thị Nđối với căn nhà và đất nói trên.

Ngày 02 và 05/4/2016, ông Căn và bà Na lập hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở nói trên cho ông Hứa Văn Thịnh tại Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 12/5/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 9 đã cập nhật thông tin người sở hữu, người sử dụng là ông Hứa Văn Thịnh trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nói trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Phòng Công chứng số 3, có bà Nguyễn Thị Lệ Thuỷ là người đại diện theo pháp luật có ý kiến: Ngày 02 và 05/4/2016, Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh có chứng nhận Hợp đồng tặng cho đối với tài sản là nhà và đất tại địa chỉ 138 (số cũ 108) đường 475, Tổ 19, Khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 10430, giữa bên cho là ông Hứa Văn Căn và bà Hồ Thị Nvà bên được tặng cho là ông Hứa Văn Thịnh. Về trình tự thủ tục và thành phần hồ sơ có đầy đủ những giấy tờ theo quy định của pháp luật; tại thời điểm công chứng các bên giao

dịch có mặt đầy đủ và đúng với các giấy tờ xuất trình tại thời điểm ký kết. Do đó, việc ký xác nhận hợp đồng tặng cho trên của Phòng Công chứng số 3 là đúng theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 434/2018/DS-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hđối với bà Hồ Thị N được chia số tiền 2.641.724.100 đồng về việc thừa kế căn nhà số 138 (số cũ 108) đường 475, Tổ 19, Khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Hứa Văn Hùng đối với bà Hồ Thị N được chia số tiền 155.395.535 đồng về việc thừa kế căn nhà số 138 (số cũ 108) đường 475, Tổ 19, Khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Hứa Văn Bích đối với bà Hồ Thị N được chia số tiền 155.395.535 đồng về việc thừa kế căn nhà số 138 (số cũ 108) đường 475, Tổ 19, Khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Hứa Văn Sơn đối với bà Hồ Thị N được chia số tiền 155.395.535 đồng về việc thừa kế căn nhà số 138 (số cũ 108) đường 475, Tổ 19, Khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Hứa Thị Kim Phượng đối với bà Hồ Thị N được chia số tiền 155.395.535 đồng về việc thừa kế căn nhà số 138 (số cũ 108) đường 475, Tổ 19, Khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Hứa Thị Anh Đào đối với bà Hồ Thị N được chia số tiền 155.395.535 đồng về việc thừa kế căn nhà số 138 (số cũ 108) đường 475, Tổ 19, Khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/9/2018, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 19/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định số 49/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đỗ Thị Minh Giang vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Tấn Thi yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 434/2018/DS-

ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 9 với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng, xét xử không khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần nội dung kháng nghị về việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 1287/04 do Uỷ ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2004.

- Đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm về vi phạm tố tụng khi thụ lý yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau khi đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Do khi vụ án được thụ lý ở Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đã trên 60 tuổi, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H. Đối với những người có yêu cầu độc lập, do Tòa án xác định không còn di sản để chia thừa kế nên đề nghị xem xét áp dụng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

- Về nội dung: Xét thấy căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ 138 (Số cũ 108) đường 475, Khu phố 5, Tổ 19, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc là do cha mẹ để lại cho ông Căn và bà N. Trong quá trình ông Căn, bà N sử dụng thửa đất trên cũng như trong quá trình ông Căn, bà N làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với căn nhà và đất nói trên bà H đều biết nhưng không phản đối, không có tranh chấp, khiếu nại gì nên việc Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số 1287/04 cho ông Căn, bà Na đối với căn nhà và đất nói trên là đúng quy định. Do ông Căn, bà N là chủ sở hữu, chủ sử dụng hợp pháp nên việc ông Căn, bà N tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở nói trên cho ông Hứa Văn Thịnh vào ngày 02/4/2016 là phù hợp quy định pháp luật.

Như vậy, khi ông Căn chết (ngày 06/9/2016), căn nhà và đất tại 138 (Số cũ 108) đường 475, Khu phố 5, Tổ 19, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh không còn là tài sản của ông Căn nên không được xem là di sản của ông Căn để lại. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp đơn kháng cáo, Biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Đơn kháng cáo được chấp nhận.

Bản án số 434/2018/DS-ST của Tòa án nhân dân Quận 9 được xét xử ngày 24/8/2018, có đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa; ngày 19/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 49/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với bản án nêu trên. Do đó, việc kháng nghị bản án trên còn trong thời hạn luật định và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Trong Đơn kháng cáo đề ngày 06/9/2018, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 434/2018/DS-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 9 với lý do bản án sơ thẩm đã tuyên không có cơ sở, thiếu căn cứ, không khách quan; Tòa án cấp sơ thẩm đã không triệu tập người làm chứng theo yêu cầu của nguyên đơn; xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Phòng Công chứng số 3 và Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; không thực hiện việc thu thập chứng cứ là hồ sơ bệnh án, Giấy khám sức khỏe của ông Căn tại thời điểm ký kết hợp đồng tặng cho nhà và đất cho ông Hứa Văn Thịnh.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 49/QĐKNPT-VKS-DS ngày 19/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm còn thiếu sót khi xác định quan hệ pháp luật tranh chấp; không giải quyết yêu cầu bổ sung của nguyên đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1287/04, do Uỷ ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ngày 02/4/2004; thụ lý yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đúng theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, trong khi bà H là người cao tuổi và đã có đơn xin xem xét miễn án phí theo quy định; không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà H, ông Hùng, ông Bích, ông Sơn, bà Phượng, bà Đào, xác định tài sản không phải là di sản thừa kế nhưng lại buộc các ông bà này chịu án phí có giá ngạch là không đúng theo quy định của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các lý do kháng cáo nêu trên, tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm số 434/2018/DS-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút kháng nghị đối với nội dung "Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu bổ sung của nguyên đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1287/04, do Uỷ ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ngày 02/4/2004"; giữ nguyên các nội dung kháng nghị còn lại.

[3] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

Xét thấy, ông Hứa Văn Căn và bà Nguyễn Thị Hkết hôn hợp pháp năm 1967, đến năm 1968 ông Căn sống chung với bà Hồ Thị N cho đến khi ông Căn chết vào ngày 06/9/2016. Ông Căn với bà N sống chung trước khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 được áp dụng ở miền Nam (ngày 25/3/1977) nên dù hôn nhân giữa ông Căn và bà N không tuân theo nguyên tắc một vợ một chồng nhưng vẫn được công nhận hợp pháp.

Xét nguồn gốc căn nhà 138 (số cũ 108) đường 475, Khu phố 5, Tổ 19, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo các tài liệu có trong hồ sơ, căn nhà được ông Căn và bà N xây dựng từ năm 1975, đến năm 1998 được sửa chữa; căn nhà được xây dựng trên thửa đất số 503-Tờ bản đồ 11 - phường Phước Long B, Quận 9, nguồn gốc đất này do cha mẹ ông Căn để lại cho ông Căn và bà N. Bà H cho rằng bà và ông Căn được cha mẹ ông Căn cho phần đất này, nhưng thực tế cha ông Căn đã chết từ năm 1943 và bà H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà được cha mẹ chồng cho. Bà H không có quá trình sử dụng đất, không kê khai đăng ký sử dụng phần đất này cùng với ông Căn, không góp tiền vào xây dựng, sửa chữa căn nhà nêu trên. Bà H cũng chưa bao giờ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà cho căn nhà và đất tại địa chỉ 138 (số cũ 108) đường 475, Khu phố 5, Tổ 19, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà N và ông Căn đã sử dụng liên tục, ổn định phần đất nêu trên từ năm 1975 cho đến khi ông Căn chết và bà H cũng không có bất cứ khiếu nại gì về việc sử dụng căn nhà và đất trên của ông Căn, bà N. Đồng thời, khi ông Căn, bà N làm thủ

tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và trong quá trình Ủy ban nhân dân Quận 9 xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở nói trên cho ông Căn, bà N thì bà H cũng không có nộp đơn tranh chấp, khiếu nại. Ủy ban nhân dân Quận 9 khi xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho ông Căn, bà N được quyền sử dụng, sở hữu đối với căn nhà và đất tại 138 (số cũ 108) đường 475, Khu phố 5, Tổ 19, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, quá trình xây dựng, sửa chữa nhà là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông Căn và bà N sau khi được Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, hồ sơ gốc số 1287/04 ngày 02/4/2004 vẫn tiếp tục sử dụng căn nhà này cho đến ngày 02/4/2016 mới lập hợp đồng tặng cho con trai là ông Hứa Văn Thịnh. Như vậy, không có căn cứ nào thể hiện căn nhà và đất tại 138 (số cũ 108) đường 475, Khu phố 5, Tổ 19, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh được ông Căn xem là tài sản chung với bà H hoặc tuy là tài sản riêng của ông Căn nhưng đã được ông Căn đưa vào làm tài sản chung với bà H. Do đó, không có căn cứ để xác định căn nhà và đất tại 138 (số cũ 108) đường 475, Khu phố 5, Tổ 19, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Căn và bà H.

Thủ tục tặng cho căn nhà và đất tại 138 (số cũ 108) đường 475, Khu phố 5, Tổ 19, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh từ ông Căn, bà N sang ông Thịnh đã được thực hiện đúng quy định pháp luật, ông Thịnh đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 9 cập nhật thông tin người sở hữu, người sử dụng trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nói trên từ ngày 12/5/2016.

Như vậy, khi ông Căn chết (ngày 06/9/2016), căn nhà và đất tại 138 (số cũ 108) đường 475, Khu phố 5, Tổ 19, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh không còn là tài sản của ông Căn nên không được xem là di sản của ông Căn để lại. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà H, yêu cầu chia di sản thừa kế của bà H và những người con chung của bà H và ông Căn là ông Hùng, ông Bích, ông Sơn, bà Phượng, bà Đào. Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với lý do kháng cáo thứ nhất, bà H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập người làm chứng - Yêu cầu này của bà H được đưa ra tại phiên tòa ngày 24/8/2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2018/QĐ-ST ngày 06/8/2018 và Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 21/8/2018 thể hiện: phiên tòa được mở ngày 21/8/2018 sau đó phiên tòa tạm ngừng sau khi xong phần tranh luận, đến ngày 24/8/2018 thì tiếp tục và quay lại phần hỏi. Trong biên bản phiên tòa không thể hiện nguyên đơn có yêu cầu triệu tập người làm chứng tại phiên tòa ngày 21 và 24/8/2018. Hơn nữa, nếu nguyên đơn có yêu cầu triệu tập người làm chứng thì yêu cầu này phải được đưa ra trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa. Do đó, lý do bà H kháng cáo không có căn cứ chấp nhận.

Đối với lý do kháng cáo thứ hai, bà H cho rằng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân Quận 9, Phòng Công chứng số 3 trong khi cần các đương sự này để làm rõ việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và việc công chứng hợp đồng tặng cho căn nhà và đất cho ông Hứa Văn Thịnh. Xét thấy tại Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự trên đã có văn bản trình bày ý kiến đối với vụ án và có Đơn xin xét xử vắng mặt, do đó việc Hội đồng xét xử sơ thẩm xét xử vắng mặt những đương sự này là đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy, lý do bà H kháng cáo không có căn cứ chấp nhận.

Đối với lý do kháng cáo thứ ba về việc yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ, bà H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm cần phải thu thập chứng cứ là hồ sơ bệnh án của ông Căn tại thời điểm công chứng Hợp đồng tặng cho số 10430 ngày 05/4/2016 tại Phòng công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Hứa Văn Thịnh. Xét thấy, pháp luật không quy định người tặng cho tài sản phải khám sức khỏe khi thực hiện việc tặng cho tài sản cho người khác, do đó không cần thiết phải thu thập chứng cứ theo yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, lý do bà H kháng cáo không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp tài sản chung và tranh chấp di sản thừa kế. Đồng thời, Bản án sơ thẩm số 434/2018/DS-ST ngày 24/8/2018 đã có nhận định về các yêu cầu của nguyên đơn nhưng trong phần quyết định và trích yếu của bản án lại nêu không đầy đủ quan hệ pháp luật tranh chấp và yêu cầu của nguyên đơn là có thiếu xót, Hội đồng xét xử

cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên được chấp nhận.

- Về việc Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu bổ sung của nguyên đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1287/04, do Uỷ ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2004: Xét thấy, ngày 22/01/2018, bà H có Đơn yêu cầu bổ sung yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1287/04 nói trên, yêu cầu này được đưa ra sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Theo quy định pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm phải có thông báo cho bà H về việc Tòa án có thụ lý hay không thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung. Tuy nhiên, mặc dù Tòa án không ban hành thông báo nhưng bà H cũng như người đại diện theo ủy quyền của bà H không có khiếu nại về việc này. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Giang - là người đại diện theo ủy quyền của bà H khi xác định yêu cầu khởi kiện cũng không nêu về yêu cầu hủy giấy chứng nhận nói trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút kháng nghị về nội dung này, việc rút kháng nghị là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Về việc thụ lý yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngày 19/12/2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đến ngày 22/01/2018 và ngày 12/3/2018 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hùng, ông Bích, ông Sơn, bà Phượng, bà Đào mới có đơn yêu cầu độc lập. Ngày 29/3/2018, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành thông báo số 459/TLVA thụ lý bổ sung các yêu cầu độc lập. Căn cứ Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng, tuy nhiên không cần thiết phải hủy án, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ nên được chấp nhận.

- Về án phí: Bà H là người cao tuổi (sinh năm 1939) nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc bà H chịu án phí 66.184.482 đồng là không đúng quy định pháp luật.

Bà H, ông Hùng, ông Bích, ông Sơn, bà Phượng, bà Đào không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế nhưng lại buộc những người này phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là không đúng quy

định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Như vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, cần chấp nhận sửa phần án phí trong Bản án dân sự sơ thẩm số 434/2018/QĐ-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 9. Theo đó, bà H được miễn án phí dân sự sơ thẩm; ông Hùng, ông Bích, ông Sơn, bà Phượng, bà Đào phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 237, Điều 238, Điều 457, Điều 459, Điều 609, Điều 612, Điều 649, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 434/2018/DS-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu được chia số tiền 2.641.724.100 (*Hai tỷ sáu trăm bốn mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn một trăm*) đồng là 1/2 giá trị phần tài sản chung và 1/16 giá trị phần di sản thừa kế là căn nhà và đất tại địa chỉ 138 (số cũ 108) đường 475, Tổ 19, Khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hứa Văn Hùng, ông Hứa Văn Bích, ông Hứa Văn Sơn, bà Hứa Thị Kim Phượng, bà Hứa Thị Anh Đào về việc yêu cầu được chia số tiền mỗi người là 155.395.535 (*Một trăm năm mươi lăm triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi lăm*) đồng là 1/16 giá trị phần di sản thừa kế là căn nhà và đất tại địa chỉ 138 (số cũ 108) đường 475, Tổ 19, Khu phố 5, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí là 18.650.000 (*Mười tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn*) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai số AC/2014/0008734, ngày 10/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Hứa Văn Hùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Hùng đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004180, ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; hoàn lại cho ông Hùng số tiền 3.584.884 (*Ba triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi bốn*) đồng.

- Ông Hứa Văn Bích phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Bích đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004177, ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; hoàn lại cho ông Bích số tiền 3.584.884 (*Ba triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi bốn*) đồng.

- Ông Hứa Văn Sơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Sơn đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004181, ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; hoàn lại cho ông Sơn số tiền 3.584.884 (*Ba triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi bốn*) đồng.

- Bà Hứa Thị Kim Phượng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Phượng đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004179, ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; hoàn lại cho bà Phượng số tiền 3.584.884 (*Ba triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi bốn*) đồng.

- Bà Hứa Thị Anh Đào phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đào đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004178, ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; hoàn lại cho bà Đào số tiền 3.584.884 (*Ba triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi bốn*) đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng mà bà H đã

nộp theo biên lai số AA/2017/0039698, ngày 18/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiển sát nhân dân Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 9, Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 9, Tp.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án. (30).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Thu Lan